

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 08 - 2025
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Mạnh Sơn

2. Ông Nguyễn Đức Thiệu

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến Cường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tham gia phiên toà:*
Ông Bùi Tiến Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 14/08/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST- HNGĐ ngày 15/04/2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu 6, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 6, xã S, tỉnh Phú Thọ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L: Bà Phạm Thị T- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 01 tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu 6, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là khu 6, xã S, tỉnh Phú Thọ).

(Chị L, anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn D có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2011 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh T (Nay là xã V, tỉnh T) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại khu 6, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là khu 6, xã S, tỉnh Phú Thọ). Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung giữa hai vợ chồng. Mâu thuẫn giữa chị và anh D mặc dù hai bên đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị và anh D đã sống ly thân

từ năm 2020 đến nay không quan tâm đến ai nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh D có 04 con chung là cháu Trần Quang H, sinh ngày 20/12/2011, Trần Minh K, sinh ngày 20/4/2014, Trần Bảo Hưng, sinh ngày 13/9/2016, Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/4/2019. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Bảo Hưng và Trần Thị Yến N để anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Quang H và cháu Trần Minh K. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Nguyễn Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị L nhất trí với ý kiến của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Phía anh Trần Văn D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nhưng trong lời khai thể hiện quan điểm của mình như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai của chị L về việc tự nguyện kết hôn, thời điểm kết hôn cũng như mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Anh và chị L đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa nên chị L đề nghị ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L có 04 con chung là cháu Trần Quang H, sinh ngày 20/12/2011, Trần Minh K, sinh ngày 20/4/2014, Trần Bảo Hưng, sinh ngày 13/9/2016, Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/4/2019. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Quang H và cháu Trần Minh K; giao cháu Trần Bảo H và Trần Thị Yến N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung; nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Trần Bảo H, sinh ngày 13/9/2016; cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/4/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Quang H, sinh ngày 20/12/2011; cháu Trần Minh K, sinh ngày 20/4/2014 cho anh Trần Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Văn D phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D. Bị đơn là anh Trần Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu 6, xã S, tỉnh Phú Thọ) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D nhưng anh D và chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh D là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2011 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đại Từ, tỉnh T (Nay là xã V, tỉnh T) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L và anh D cư trú xác định: Sau khi kết hôn chị L và anh D chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã về nhà mẹ đẻ của chị ở xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã S, tỉnh Phú Thọ) sinh sống. Bản thân các đương sự cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ những bất đồng trong cuộc sống và không thể hàn gắn dẫn đến việc vợ chồng đã ly thân

không ai quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị L và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nguyễn Thị L đề nghị ly hôn với anh Trần Văn D là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D đều nhất trí thuận tình ly hôn. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D là phù hợp.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D xác định vợ chồng có 04 con chung là cháu Trần Quang H, sinh ngày 20/12/2011; cháu Trần Minh K, sinh ngày 20/4/2014; cháu Trần Bảo H, sinh ngày 13/9/2016; cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/4/2019. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D đều thống nhất giao hai con chung là cháu Trần Bảo Hưng, sinh ngày 13/9/2016; cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/4/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Quang H, sinh ngày 20/12/2011; cháu Trần Minh K, sinh ngày 20/4/2014 cho anh Trần Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng, tự nguyện của chị L và anh D nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo Hưng, sinh ngày 13/9/2016; cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/4/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Quang H, sinh ngày 20/12/2011; cháu Trần Minh K, sinh ngày 20/4/2014 cho anh Trần Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Văn D phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Chi cục THA dân sự khu vực 6 – Phú Thọ;
- Cơ quan THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã V, h. Đ, tỉnh T
(Nay là xã V, tỉnh Thái N);
(ĐKKH ngày 27/4/2023)
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang

